

Số: 65 /GPMT-UBND

Bình Phước, ngày 29 tháng 5 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 14/2023/AGI-MT ngày 13/5/2023 của Công ty TNHH Quốc tế All Glory về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Dự án của Công ty TNHH Quốc tế All Glory”;

Theo đề nghị của Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 23/TTr-BQL ngày 19/5/2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Quốc tế All Glory (sau đây gọi là Chủ dự án), địa chỉ: tại Lô số A7-3, đường D3, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư “Dự án của Công ty TNHH Quốc tế All Glory (Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ kim loại và phụ kiện ngũ kim, công suất 32.000.000 sản phẩm/năm (có công đoạn xi mạ) và sản xuất sản phẩm nhựa dẻo từ hạt nhựa nguyên sinh, bột nhựa nguyên sinh công suất 5.000.000 sản phẩm/năm)” (sau đây gọi là Dự án) với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: “Dự án của Công ty TNHH Quốc tế All Glory” (Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ kim loại và phụ kiện ngũ kim, công suất 32.000.000 sản phẩm/năm (có công đoạn xi mạ) và sản xuất sản phẩm nhựa dẻo từ hạt nhựa nguyên sinh, bột nhựa nguyên sinh công suất 5.000.000 sản phẩm/năm).

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A7-3, đường D3, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.



1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3292206710 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 06/11/2020, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 3 ngày 09/5/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801239645 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 27/11/2020.

1.4. Mã số thuế: 3801239645.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sản phẩm từ kim loại và phụ kiện ngũ kim (huy hiệu, móc khóa, phụ kiện kim loại cho ngành giày dép, may mặc, quà tặng, vật phẩm, phụ kiện thời trang bằng kim loại...); sản xuất sản phẩm nhựa dẻo (miếng lót ly, các chi tiết nhựa).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô A7-3, đường D3, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước với tổng diện tích thực hiện dự án 27.152,2 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô các hạng công trình của Dự án:

+ Các hạng mục công trình chính: Nhà xưởng chính, nhà văn phòng, xưởng xi mạ, kho chứa hóa chất có tổng diện tích 6.887 m<sup>2</sup>.

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: Nhà ăn, nhà nghỉ giữa ca, nhà bảo vệ, nhà xe máy, nhà xe ô tô, bể nước ngầm có tổng diện tích 1.354,1 m<sup>2</sup>.

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Khu vực xử lý khí thải, khu vực xử lý nước thải diện tích 514 m<sup>2</sup>, khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt 252 m<sup>2</sup>, khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp 56 m<sup>2</sup>, khu vực chứa chất thải nguy hại 84 m<sup>2</sup>.

+ Đất sân bãi, giao thông nội bộ 6.567,3 m<sup>2</sup>, cây xanh 11.437,8 m<sup>2</sup>.

- Công suất:

+ Sản xuất các sản phẩm từ kim loại và phụ kiện ngũ kim (huy hiệu, móc khóa; phụ kiện kim loại cho giày dép, ba lô túi xách, quần áo và các ngành hàng thời trang... (có công đoạn xi mạ); quà tặng, vật phẩm, phụ kiện thời trang làm bằng kim loại... (có công đoạn xi mạ): 32.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất sản phẩm nhựa dẻo từ hạt nhựa nguyên sinh, bột nhựa nguyên sinh (Miếng lót ly, các chi tiết nhựa phục vụ cho sản phẩm chính): 5.000.000 sản phẩm/năm.



## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Quốc tế All Glory:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Công ty TNHH Quốc tế All Glory có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hớn Quản, Công ty CP Công nghiệp Minh Hưng - Sikico nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (Từ ngày 29 tháng 5 năm 2023 đến ngày 29 tháng 5 năm 2033).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và giao Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của dự án theo quy định tại Khoản 5, Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Quốc tế All Glory;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Sở TN&MT;
- Sở TT&TT;
- UBND huyện Hớn Quản;
- Công ty CP CN Minh Hưng - Sikico;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT (NN-9GP<sub>24/5</sub>).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Huỳnh Anh Minh*



**Phụ lục 1.**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...65.../GPMT-UBND  
ngày 29/...5.../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/10/2020 (Do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikicio, không xả thải trực tiếp ra môi trường).

Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ Dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico tại các Văn bản: Hợp đồng cho thuê lại đất số 03/2021/HĐTLĐ/MHS ngày 17/3/2021 giữa Công ty CP Công nghiệp Minh Hưng - Sikico và Công ty TNHH Quốc tế All Glory; Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án tại KCN Minh Hưng - Sikico ngày 27/10/2021.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải**

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh từ Dự án bao gồm nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại nhà máy và nước thải sản xuất, bao gồm:

+ Nước thải sinh hoạt với lưu lượng 53,7 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ), bao gồm: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn (vệ sinh, rửa tay) và nước thải từ khu vực nhà vệ sinh (xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn) được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy với công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) để xử lý.

+ Nước thải sản xuất phát sinh với lưu lượng 130,59 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) bao gồm nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn tẩy dầu (nước thải dầu lão hóa), tẩy gỉ, hoạt hóa bề mặt (nước thải axit lão hóa), xi mạ có chứa xyanua, xi mạ có chứa niken, xi mạ có chứa HF, xi mạ đồng pyrophosphate, xi mạ có chứa thành phần axit kiem khác được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải cục bộ của nhà máy với công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Toàn bộ nước thải phát sinh của Dự án sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 127834; Y = 534134 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiếu 3<sup>0</sup>).



## **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

### **1.2.1. Tóm tắt quy trình công nghệ**

#### **a) Nước thải sinh hoạt**

Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico.

#### **b) Nước thải sản xuất**

+ Nước thải axit lão hoá → Bể chứa nước thải axit lão hoá → (1)

+ Nước thải HF → Bể chứa nước thải HF → Bể điều chỉnh pH → Bể phản ứng → Bể trộn nhanh → Bể trộn chậm → Bể lắng → (1')

+ Nước thải CN<sup>-</sup> → Bể chứa nước thải CN<sup>-</sup> → Bể oxy hoá sơ cấp 1 → Bể oxy hoá sơ cấp 2 → Bể oxy hoá thứ cấp 1 → Bể oxy hoá thứ cấp 2 → Bể oxy hoá → Bể phản ứng → Bể trộn nhanh → Bể trộn chậm → Bể lắng → (1'')

+ Nước thải đồng pyrophosphate → Bể chứa nước thải đồng pyrophosphate → Bể oxy hoá → Bể phản ứng → Bể trộn nhanh → Bể trộn chậm → Bể lắng → (2)

+ Nước thải niken xi mạ → Bể chứa nước thải niken xi mạ → Bể oxy hoá → Bể phản ứng → Bể trộn nhanh → Bể trộn chậm → Bể lắng → (2')

(1) + (1') + (1'') + (2) + (2') → Bể điều hoà 1 → Bể điều chỉnh pH → Bể phản ứng → Bể trộn nhanh → Bể trộn chậm → Bể lắng → (3)

+ Nước thải dầu lão hoá → Bể chứa nước thải dầu lão hoá → (4)

+ Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → (5)

+ Nước thải đồng axit kiềm, nước thải khác + (4) → Bể điều hoà 2 → Bể điều chỉnh pH → Bể trộn nhanh → Bể trộn chậm → Bể lắng → Bể trung hoà pH 1 → Bể trung gian + (5) → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → (3')

- (3) + (3') → Bể trung hoà pH 2 → Bể đệm → Bồn lọc cát → Bồn lọc than → Bể khử trùng → Bể phóng lưu (bể chứa nước thải sau xử lý) → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico.

- Công suất thiết kế: 300 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Chế độ vận hành: liên tục 24 giờ/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Polymer, PAC, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, NaOH, FeSO<sub>4</sub>.H<sub>2</sub>O, CaO.

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**



- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường ống, công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Minh Hưng - Sikico để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Minh Hưng - Sikico.

- Trường hợp nước thải đầu ra vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong điều kiện trạm xử lý nước thải vẫn hoạt động, nước thải sẽ được quay vòng để xử lý lại. Nếu hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, sẽ tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm**

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/10/2020 và Điểm b, Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm**

Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 300 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu**

- Tại đầu vào (tại bể trung hòa pH 2) và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) (hố ga trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico).

#### **2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm**

Đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico (QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B; các chỉ tiêu kim loại, CN đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT)

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT	
			Cột A	Cột B
1	pH	-		5,5-9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l		50
3	COD	mg/l		150
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l		100



5	Dầu mỡ khoáng	mg/l		10
6	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l		0,5
7	Florua	mg/l		10
8	Amoni (tính theo N)	mg/l		10
9	Tổng Nito	mg/l		40
10	Tổng photpho	mg/l		6
11	Fe	mg/l	1	
12	Zn	mg/l	3	
13	Ni	mg/l	0,2	
14	Pb	mg/l	0,1	
15	Cu	mg/l	2	
16	Tổng xianua	mg/l	0,07	
17	Coliforms	MPN/100ml		5.000

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

**3.1.** Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận, đầu nổi nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Minh Hưng - Sikico, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

**3.2.** Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

**3.3.** Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**3.4.** Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

**3.5.** Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Minh Hưng - Sikico và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**3.6.** Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.



**Phụ lục 2.**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...6.5.../GPMT-UBND ngày .29./...5../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải tổng hợp phát sinh từ công đoạn xi mạ, tẩy dầu và làm sạch bề mặt kim loại.
- Nguồn số 02: Khí thải từ công đoạn xử lý móc tự động.
- Nguồn số 03: Khí thải cyanua từ công đoạn xi mạ.
- Nguồn số 04: Khí thải chứa Trichloroethylen ( $C_2HCl_3$ ) từ quá trình tẩy rửa siêu âm.
- Nguồn số 05: Khí thải từ quá trình điện di, sơn và lò sấy sau sơn, điện di.
- Nguồn số 06: Khí thải máy phát điện công suất 320 kVA.
- Nguồn số 07: Khí thải máy phát điện công suất 1.000 kVA.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

**2.1. Vị trí xả khí thải**

STT	Dòng khí thải	Vị trí	Tọa độ VN2000, kinh tuyến $106^{\circ}15'$ , múi chiều $3^{\circ}$	
			X (m)	Y (m)
1	Dòng khí thải số 01	Ống thải của hệ thống xử lý khí thải tổng hợp (nguồn số 01)	1273838	534320
2	Dòng khí thải số 02	Ống thải của hệ thống xử lý tại công đoạn xử lý bằng móc tự động (nguồn số 02)	1273838	534342
3	Dòng khí thải số 03	Ống thải của hệ thống xử lý khí thải xyanua từ công đoạn xi mạ (nguồn số 03)	1273838	534288
4	Dòng khí thải số 04	Ống thải của hệ thống xử lý khí thải Trichloroethylen ( $C_2HCl_3$ ) (nguồn số 04)	1273857	534355
5	Dòng khí thải số 05	Ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình điện di, sơn và lò sấy sau sơn, điện di (nguồn số 05)	1273838	534253



STT	Dòng khí thải	Vị trí	Tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiều 3°	
			X (m)	Y (m)
6	Dòng khí thải số 06	Ống thoát khí thải từ máy phát điện dự phòng, công suất 320 kVA (nguồn số 06)	1273907	534364
7	Dòng khí thải số 07	Ống thoát khí thải từ máy phát điện dự phòng, công suất 1.000 kVA (nguồn thứ 07)	1273907	534371

## 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 44.500 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 21.600 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.200 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.360 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 28.500 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.200 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 07: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 3.600 m<sup>3</sup>/giờ.

### 2.2.1. Phương thức xả khí thải

- Dòng khí thải số 01, 02, 03, 04, 05: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả thải liên tục 08 giờ/ngày.

- Dòng khí thải số 06, 07: Khí thải xả trực tiếp ra môi trường thông qua ống thoát khí thải, xả gián đoạn (chỉ phát sinh khi sử dụng máy phát điện).

### 2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B,  $k_p = 0,9$ ;  $k_v = 1$ ) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:



TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNM, (k <sub>p</sub> = 0,9; k <sub>v</sub> = 1)	QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục
<b>I</b>	<b>Dòng khí thải số 01</b>				- Tần suất quan trắc định kỳ: 03 tháng/lần. - Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	-	
2	Hơi H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	45	-	
3	Cu	mg/Nm <sup>3</sup>	9	-	
4	Zn	mg/Nm <sup>3</sup>	27	-	
5	HF	mg/Nm <sup>3</sup>	18	-	
6	Hơi HNO <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	450	-	
7	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	870	
<b>II</b>	<b>Dòng khí thải số 02</b>				- Đối với thông số ô nhiễm CN sẽ thực hiện quan trắc khi có quy chuẩn so sánh.
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	-	
2	H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	45	-	
4	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	870	
<b>III</b>	<b>Dòng khí thải số 03</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	-	
2	CN <sup>-</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	-	-	
3	Cu	mg/Nm <sup>3</sup>	9	-	
<b>IV</b>	<b>Dòng khí thải số 04</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	-	
2	Trichloroetylen (C <sub>2</sub> HCl <sub>3</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	-	110	
<b>V</b>	<b>Dòng khí thải số 05</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	-	
2	Etylen oxyt	mg/Nm <sup>3</sup>	-	20	
3	Etylen clohydrin	mg/Nm <sup>3</sup>	-	16	
4	n-hexan	mg/Nm <sup>3</sup>	-	450	
<b>VI</b>	<b>Dòng khí thải số 06</b>				Khí thải phát sinh từ 02 máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải; nhiên liệu dầu DO sử dụng cho máy phát điện phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
<b>VII</b>	<b>Dòng khí thải số 07</b>				



## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn xi mạ, tẩy dầu và làm sạch bề mặt kim loại được thu gom về hệ thống xử lý khí thải tổng hợp để xử lý, sau đó thải ra môi trường thông qua ống thải cao 18m.

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ công đoạn xử lý móc được thu gom về hệ thống xử lý khí thải công đoạn xử lý bằng móc tự động để xử lý, sau đó thải ra môi trường thông qua ống thải cao 18m.

- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ công đoạn xi mạ có phát sinh xyanua được thu gom về hệ thống xử lý khí thải xyanua để xử lý, sau đó thải ra môi trường thông qua ống thải cao 18m.

- Nguồn số 04: Khí thải, hơi dung môi phát sinh từ quá trình tẩy rửa siêu âm được thu gom về hệ thống xử lý khí thải trichloroethylen để xử lý và thải ra môi trường thông qua ống thải cao 18m.

- Nguồn số 05: Khí thải từ khu vực điện di, sơn và lò sấy sau sơn, điện di được thu gom về hệ thống xử lý khí thải khu vực điện di để xử lý và thải ra môi trường thông qua ống thải cao 18m.

- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng công suất 320 kVA dẫn qua ống thải cao 3m.

- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng công suất 1000 kVA dẫn qua ống thải cao 3m.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải**

##### *1.2.1. Hệ thống xử lý số 01 (nguồn số 01)*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (nguồn số 01) → Chụp hút → Tháp hấp thụ kết hợp hấp phụ → Quạt hút → Ống thải (D870mm, H18m).

- Công suất thiết kế: 44.500 m<sup>3</sup>/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước, NaOH, than hoạt tính

##### *1.2.2. Hệ thống xử lý số 02 (nguồn số 2)*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (nguồn số 02) → Chụp hút → Tháp hấp thụ kết hợp hấp phụ → Quạt hút → Ống thải (D740mm, H18m).

- Công suất thiết kế: 21.600 m<sup>3</sup>/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước, NaOH, than hoạt tính



### 1.2.3. Hệ thống xử lý số 03 (nguồn số 03)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (nguồn số 03) → Chụp hút → Tháp hấp thụ kết hợp hấp phụ → Quạt hút → Ống thải (D778mm, H18m).

- Công suất thiết kế: 30.200 m<sup>3</sup>/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước, NaOH, than hoạt tính

### 1.2.4. Hệ thống xử lý số 04 (nguồn số 04)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải, hơi dung môi (nguồn số 04) → Chụp hút → Tháp hấp thụ kết hợp hấp phụ → Quạt hút → Ống thải (D540mm, H18m).

- Công suất thiết kế: 12.360 m<sup>3</sup>/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước, NaOH, than hoạt tính.

### 1.2.5. Hệ thống xử lý số 05 (nguồn số 05)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (nguồn số 05) → Chụp hút → Tháp hấp thụ kết hợp hấp phụ → Thùng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thải (D778mm, H18m).

- Công suất thiết kế: 28.500 m<sup>3</sup>/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: nước, NaOH, than hoạt tính

### 1.2.6. Hệ thống thu gom số 06 (nguồn số 06)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (nguồn số 06) → Ống thải cao 3m.

- Công suất thiết kế: 1.200 m<sup>3</sup>/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

### 1.2.7. Hệ thống thu gom số 07 (nguồn số 07)

- Khí thải (nguồn số 07) → Ống thải cao 3m.

- Công suất thiết kế: 3.600 m<sup>3</sup>/giờ.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

## 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ



thống xử lý bụi, khí thải. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, đảm bảo độ ổn định của các hệ thống xử lý.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm**

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/10/2020 và Điểm b, Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm**

- Hệ thống xử lý khí thải tổng hợp, công suất 44.500 m<sup>3</sup>/giờ (Dòng khí thải số 01).

- Hệ thống xử lý xử lý khí thải tại công đoạn xử lý móc tự động, công suất 21.600 m<sup>3</sup>/giờ (Dòng khí thải số 02).

- Hệ thống xử lý khí thải xyanua, công suất 30.200 m<sup>3</sup>/giờ (Dòng khí thải số 03).

- Hệ thống xử lý khí thải Trichloroethylen (C<sub>2</sub>HCl<sub>3</sub>), công suất 12.360 m<sup>3</sup>/giờ (Dòng khí thải số 04).

- Hệ thống xử lý khí thải quá trình điện di, công suất 28.500 m<sup>3</sup>/giờ (Dòng khí thải số 05).

#### *2.2.1. Vị trí lấy mẫu*

05 vị trí, tương ứng với 05 ống thoát khí thải của 05 hệ thống xử lý khí thải.

#### *2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*

Đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, k<sub>p</sub> = 0,9, k<sub>v</sub> = 1,0) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu**

Đảm bảo thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**



**3.1.** Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

**3.2.** Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**3.3.** Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

**3.4.** Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**3.5.** Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.



**Phụ lục 3.**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...65.../GPMT-UBND  
ngày 29/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Khu vực nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 300 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).
- Nguồn số 02: Hệ thống xử lý khí thải tổng hợp, công suất 44.500 m<sup>3</sup>/ giờ.
- Nguồn số 03: Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn xử lý mủ tự động, công suất 21.600 m<sup>3</sup>/ giờ.
- Nguồn số 04: Hệ thống xử lý khí thải xyanua, công suất 30.200 m<sup>3</sup>/h
- Nguồn số 05: Hệ thống xử lý khí thải Trichloroethylen(C<sub>2</sub>HCl<sub>3</sub>), công suất 12.360 m<sup>3</sup>/ giờ.
- Nguồn số 06: Hệ thống xử lý khí thải quá trình điện di, sơn và lò sấy sau sơn, điện di, công suất 28.500 m<sup>3</sup>/giờ.
- Nguồn số 07: Máy phát điện dự phòng công suất 320 kVA.
- Nguồn số 08: Máy phát điện dự phòng công suất 1.000 kVA.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tọa độ: X: 1273860; Y: 534369.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X: 1273838; Y: 534320.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X: 1273838; Y: 534342.
- Nguồn số 04: Tọa độ: X: 1273838; Y: 534288.
- Nguồn số 05: Tọa độ: X: 1273857; Y: 534355.
- Nguồn số 06: Tọa độ: X: 1273838; Y: 534253
- Nguồn số 07: Tọa độ: X: 12738907; Y: 534364
- Nguồn số 08 : Tọa độ: X: 12738907; Y: 534371

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiều 3°).

**3. Tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:



### 3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

### 3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành; kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng; bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ,...

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn; định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn,...

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



**Phụ lục 4.**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...65.../GPMT-UBND  
ngày 29/...5.../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp kiểm soát phát sinh thường xuyên**

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì mềm đựng hóa chất thải	18 01 01	KS	Rắn	100
2	Bao bì kim loại đựng hóa chất thải	18 01 02	KS	Rắn	70
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	Rắn	200
4	Hộp mực in văn phòng thải bỏ	08 02 04	KS	Rắn	60
5	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	Rắn	36
6	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	Lỏng	340
7	Pin, ắc quy thải	16 01 12	NH	Rắn	15
8	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	07 03 05	NH	Lỏng	150
9	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại	07 03 11	KS	Rắn	82.820
10	Bùn thải có thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	KS	Bùn	67.500



STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
11	Than hoạt tính từ hệ thống xử lý nước thải (Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại)	12 02 06	KS	Rắn	10.680
12	Than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	KS	Rắn	7.920
<b>Tổng</b>					<b>163.891</b>

Đối với chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Phụ kiện lỗi	11 04 03	TT-R	2.780
2	Bavia nhựa	03 02 12	TT-R	9.310
3	Bao bì, thùng carton đóng gói	18 01 06	TT-R	371
<b>Tổng khối lượng</b>				<b>12.461</b>

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 125.560 kg/năm.

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa

CTNH được chứa trong các thùng chuyên dụng có dán mã số phân loại, thể tích 280 lít, số lượng thùng 13 thùng.

#### 2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 84 m<sup>2</sup> (gồm 2 khu vực: khu vực chứa bùn thải có diện tích 40 m<sup>2</sup>, khu vực 2 diện tích 44 m<sup>2</sup> lưu chứa các CTNH còn lại).

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ CTNH có tường bao, mái che, nền chống thấm, có rãnh rốn thoát nước, có biển cảnh báo, thiết bị phòng cháy chữa cháy,...



## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

### *2.2.1. Thiết bị lưu chứa*

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom vào kho chứa riêng biệt.

### *2.2.2. Kho lưu chứa*

- Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, diện tích: 56 m<sup>2</sup>
- Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, mái che, nền chống thấm, dán nhãn biển cảnh báo,...

## **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa trong các thùng rác chuyên dụng, sau đó sẽ lưu giữ tạm thời tại khu lưu chứa có diện tích 252 m<sup>2</sup> để đơn vị có chức năng đến thu gom tới thu gom, vận chuyển.

## **2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt**

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/10/2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/10/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/10/2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.



### **Phụ lục 5.**

## **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ....65.../GPMT-UBND  
ngày 29./5.../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/10/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Công ty TNHH Quốc tế All Glory chỉ được phép đưa dự án đi vào vận hành sau khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico đi vào vận hành, đảm bảo tiếp nhận và xử lý nước thải phát sinh từ Dự án đạt quy chuẩn theo quy định; đồng thời, đảm bảo hoạt động sản xuất của Dự án có công đoạn xi mạ để phục vụ hoàn thiện sản phẩm của dự án.

3. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của Dự án.

7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật./.